TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2025/HNGĐ-ST
Ngày 19-5-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trạng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Hoàng Bo

Ông Lê Văn Chuộng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 19 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025, về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Dư G, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: Ấp CTB, xã TGT, huyện NH, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Lê Tô N, sinh năm 1992; địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị Dư G trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh N chung sống năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TGT, huyện NH, tỉnh Cà Mau, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu, anh chị chung sống rất hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh N thường xuyên đánh và còn có hành vi hâm dọa giết chị. Chị yêu cầu ly hôn anh N.

Về con chung: Chị và anh N có hai con chung cháu Lê Tô N, sinh ngày 04/1/2013 và cháu Lê Nhã T, sinh ngày 08/8/2019, hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Anh Lê Tô N trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất lời trình bày của chị G về thời gian chung sống, việc chung sống là tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Anh thừa nhận trong quá trình chung sống có đánh chị G và khi chị G gửi đơn ly hôn có hâm dọa chị G. Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của chị G.

Về con chung: Anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, đồng ý giao cháu N cho chị G nuôi dưỡng, không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị G, anh N chung sống năm 2012, có đăng ký kết hôn và hôn nhân tự nguyện theo đúng quy định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Về nguyên nhân, mâu thuẫn ly hôn chị G và anh N đều xác định trong quá trình chung sống, anh chị có phát sinh mâu thuẫn do anh N đánh và hâm dọa chị G và tại phiên tòa anh N đồng ý ly hôn. Xét mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị G được ly hôn anh N.

[2] Xét yêu cầu nuôi con của chị G, anh N thấy rằng: Cháu N có nguyện vọng sống chung chị G, cháu T là con gái đang trong giai đoạn phát triển về tâm sinh lý, chị G là phụ nữ nên hiểu rõ về tâm sinh lý cũng như thuận tiện trong quá trình chăm sóc, lo lắng hơn so với anh N. Mặt Khác, từ khi chị G, anh N ly thân đến nay, cháu N và cháu T sống chung chị G vẫn phát triển tốt về mặt thể chất, tinh thần. Về điều kiện nuôi con chị G xác định hiện tại chị đang buôn bán nước, ăn sáng thu nhập ổn định mỗi tháng trên 10.000.000đ, anh N hiện tại không có nghề nghiệp, thu nhập kinh tế không ổn định. Do đó, để không làm xáo trộn môi trường sống, cũng như sự ổn định về tâm sinh lý nên cần giao cháu N và cháu T cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị G không yêu cầu anh N cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về án hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị G phải chịu 300.000đ, đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị Dư G, cho chị Nguyễn Thị Dư G được ly hôn anh Lê Tô N.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Tô N, sinh ngày 04/1/2013 và cháu Lê Nhã T, sinh ngày 08/8/2019 cho chị Nguyễn Thị Dư G tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Lê Tô N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Dư G phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0002948 ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, chị G đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- UBND xã TGT, huyện NH, tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Quốc Trạng